

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29

1001
CÔ
CH N
DEL
IỆ
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Gas Petrolimex cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh
Ông Nguyễn Quang Kiên
Ông Nguyễn Á Phi
Ông Đoàn Văn Thu
Ông Trần Văn Thanh
Ông Nguyễn Quang Dũng
Ông Nguyễn Văn Lăng
Bà Nguyễn Thanh Huyền

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thanh
Ông Nguyễn Á Phi
Ông Vũ Hồng Khánh
Ông Phạm Thanh Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Số: 718 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 18 tháng 3 năm 2012, từ trang 03 đến trang 29. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1675/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 Trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		831.967.486.076	467.992.688.210
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	91.889.279.426	45.472.547.085
1. Tiền	111		31.889.279.426	45.472.547.085
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	233.501.421.200	6.627.917.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121		248.497.064.426	20.377.064.426
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(14.995.643.226)	(13.749.146.626)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		349.850.881.159	333.758.897.600
1. Phải thu khách hàng	131		117.860.851.082	100.837.052.138
2. Trả trước cho người bán	132		3.783.329.321	12.498.607.127
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	8	214.171.511.501	223.290.293.970
4. Các khoản phải thu khác	135	9	17.590.055.382	7.039.621.111
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.554.866.127)	(9.906.676.746)
IV. Hàng tồn kho	140	10	140.972.088.505	78.474.074.948
1. Hàng tồn kho	141		149.275.710.982	78.474.074.948
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.303.622.477)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.753.815.786	3.659.250.777
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.139.233.611	725.650.664
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.574.582.175	2.561.252.135
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.000.000.000	340.058.888
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		40.000.000	32.289.090
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		499.483.028.126	496.647.932.781
I. Tài sản cố định	220		252.169.328.270	256.439.423.316
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	219.309.430.191	184.608.574.666
- Nguyên giá	222		315.937.852.245	262.860.559.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.628.422.054)	(78.251.984.872)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	6.080.034.488	7.077.156.120
- Nguyên giá	228		10.065.532.368	10.065.532.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.985.497.880)	(2.988.376.248)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	26.779.863.591	64.753.692.530
II. Bất động sản đầu tư	240	14	16.992.557.560	17.357.184.016
- Nguyên giá	241		18.578.406.397	18.578.406.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.585.848.837)	(1.221.222.381)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		127.751.793.560	129.247.081.712
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	121.987.708.826	121.987.708.826
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	5.000.000.000	5.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	17	2.761.126.257	6.215.250.557
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.997.041.523)	(3.955.877.671)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		102.569.348.736	93.604.243.737
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	101.723.722.229	93.604.243.737
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		845.626.507	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.331.450.514.202	964.640.620.991

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 Trình bày lại
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		725.674.103.369	407.592.556.776
I. Nợ ngắn hạn	310		690.972.591.113	376.549.155.455
1. Vay ngắn hạn	311	19	363.259.641.514	125.089.303.377
2. Phải trả người bán	312		249.567.093.973	160.203.742.739
3. Người mua trả tiền trước	313		6.629.648.449	2.192.472.784
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	16.993.823.606	20.262.545.595
5. Phải trả người lao động	315		20.881.081.266	13.655.725.357
6. Chi phí phải trả	316		6.074.995.370	23.593.912.940
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	18.647.011.381	29.543.030.421
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	22	6.876.155.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.043.140.554	2.008.422.242
II. Nợ dài hạn	330		34.701.512.256	31.043.401.321
1. Phải trả dài hạn khác	333	23	34.267.659.983	29.930.070.650
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	594.848.171
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		433.852.273	518.482.500
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		605.776.410.833	557.048.064.215
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	605.776.410.833	557.048.064.215
1. Vốn điều lệ	411		344.466.990.000	344.466.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		76.180.770.000	76.180.770.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(49.700.000)	(49.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		106.096.040.872	105.650.833.010
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.157.000.000	12.257.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		65.925.309.961	18.542.171.205
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.331.450.514.202	964.640.620.991

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2012	31/12/2011
Hàng hóa nhận ký gửi	VND	250.000.000	216.392.000


 Phan Quang Thành
 Người lập biểu


 Nguyễn Hữu Quang
 Kế toán trưởng


 Trần Văn Thanh
 Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.995.806.022.667	2.560.760.404.533
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		608.416.774	415.295.655
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	2.995.197.605.893	2.560.345.108.878
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	2.775.081.250.220	2.370.546.712.094
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		220.116.355.673	189.798.396.784
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	59.379.965.532	52.901.092.832
7. Chi phí tài chính	22	29	17.309.727.989	70.177.266.703
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.043.128.959	18.326.085.375
8. Chi phí bán hàng	24		138.740.147.992	116.942.746.070
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		41.602.390.520	31.111.470.700
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		81.844.054.704	24.468.006.143
11. Thu nhập khác	31	30	4.193.365.733	7.055.822.557
12. Chi phí khác	32	31	1.962.702.257	876.794.666
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.230.663.476	6.179.027.891
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		84.074.718.180	30.647.034.034
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	7.925.990.469	-
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(845.626.507)	1.035.818.572
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		76.994.354.218	29.611.215.462


Phan Quang Thành
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng


Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	84.074.718.180	30.647.034.034
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	20.913.604.748	20.231.135.242
Các khoản dự phòng	03	1.239.472.310	13.394.413.230
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(927.652.959)	438.319.665
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(58.350.847.539)	(52.776.910.977)
Chi phí lãi vay	06	16.043.128.959	18.326.085.375
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	62.992.423.699	30.260.076.569
Biến động các khoản phải thu	09	(12.837.511.245)	3.186.196.881
Biến động hàng tồn kho	10	(70.801.636.034)	22.256.759.450
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	118.283.306.313	(54.830.157.594)
Biến động chi phí trả trước	12	(8.533.061.439)	(6.941.489.967)
Tiền lãi vay đã trả	13	(16.337.168.872)	(18.160.319.554)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.176.517.490)	(336.975.498)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.397.387.064	7.690.799.007
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(14.001.388.576)	(3.936.648.758)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	55.985.833.420	(20.811.759.464)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.921.207.634)	(69.795.080.188)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.423.719.272	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(225.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	55.898.421.498	57.437.596.349
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(210.599.066.864)	(12.357.483.839)

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.633.210.360.182	1.586.704.606.202
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.394.307.316.497)	(1.646.862.729.050)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(37.873.077.900)	(13.072.607.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>201.029.965.785</i>	<i>(73.230.730.348)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>46.416.732.341</i>	<i>(106.399.973.651)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	45.472.547.085	151.872.520.736
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	91.889.279.426	45.472.547.085

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 2.453.414.686 đồng (năm 2011: 1.450.796.666 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.


Phan Quang Thành
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 5 năm 2011 với số vốn điều lệ 344.466.990.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 405 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 515 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty với báo cáo tài chính của Chi nhánh Gas Petrolimex Hà Nội và thực hiện bù trừ các khoản mục công nợ phải thu, phải trả và doanh thu, giá vốn nội bộ giữa hai đơn vị này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu nội bộ ngắn hạn, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán và được Công ty dự định thanh lý trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính.

Tại ngày cuối niên độ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm đối với quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp (thời gian hiệu lực còn lại của quyền sử dụng đất).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC hoặc Upcom), giá trị dự phòng được Công ty xác định trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất của Ban Tổng Giám đốc về mức suy giảm giá trị có thể xảy ra là chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Trong năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 trong báo cáo tài chính riêng theo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Kiểm toán Nhà nước ban hành ngày 29 tháng 10 năm 2012. Chi tiết ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố như sau:

hồi tố như sau.				
Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm 2011	Số liệu năm 2011	Chênh lệch điều
		sau điều chỉnh hồi tố	trước điều chỉnh hồi tố	chỉnh hồi tố
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (i)	314	20.262.545.595	9.193.501.338	11.069.044.257
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)	420	18.542.171.205	29.611.215.462	(11.069.044.257)

(i) Đây là 50% thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty đã kê khai ưu đãi trong hai năm 2009, 2010 do có chứng khoán niêm yết lần đầu trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2006. Tuy nhiên, theo Kiểm toán Nhà nước, Công ty đã hết thời gian ưu đãi này và không được hưởng 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đã kê khai ưu đãi cho hai năm 2009, 2010 theo quy định của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.670.664.173	3.344.108.760
Tiền gửi ngân hàng	30.218.615.253	42.128.438.325
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	-
	91.889.279.426	45.472.547.085

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn (*)	20.377.064.426	20.377.064.426
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin (**)	3.120.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác (***)	225.000.000.000	-
	248.497.064.426	20.377.064.426
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(14.995.643.226)	(13.749.146.626)
	233.501.421.200	6.627.917.800

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2012 ngày 24 tháng 4 năm 2012, Công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 11 năm 2012, Công ty chủ trương nắm giữ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và sẽ bán trong tương lai gần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

(***) Các khoản đầu tư ngắn hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, dưới 1 năm tại các ngân hàng thương mại.

8. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu các Công ty con (Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ)		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	52.915.582.528	50.726.297.665
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	51.785.442.970	51.122.907.522
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	77.740.057.278	93.455.203.709
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	31.730.428.725	27.985.885.074
	214.171.511.501	223.290.293.970

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu gas rời với khách hàng thuê đóng bình	-	3.266.171.697
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	2.289.090
Tạm ứng cho các cửa hàng gas và nhân viên	2.494.762.481	-
Phải thu ngắn hạn khác	15.095.292.901	3.771.160.324
	17.590.055.382	7.039.621.111

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	1.636.311.000	309.184.183
Nguyên liệu, vật liệu	2.921.500.637	2.643.531.900
Hàng hóa	144.717.899.345	75.521.358.865
Cộng	149.275.710.982	78.474.074.948
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.303.622.477)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	140.972.088.505	78.474.074.948

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	195.287.501.651	45.156.901.359	19.965.052.797	2.451.103.731	262.860.559.538
Mua sắm mới	43.795.348.780	2.716.462.543	291.916.209	624.749.095	47.428.476.627
Xây dựng cơ bản hoàn thành	7.444.025.731	-	-	445.447.200	7.889.472.931
Tăng khác	-	-	-	133.122.727	133.122.727
Thanh lý, nhượng bán	(1.147.348.241)	-	(1.193.623.155)	(32.808.182)	(2.373.779.578)
Tại ngày 31/12/2012	245.379.527.921	47.873.363.902	19.063.345.851	3.621.614.571	315.937.852.245
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	44.408.454.522	20.677.014.377	12.029.507.822	1.137.008.151	78.251.984.872
Khấu hao trong năm	13.034.392.384	4.262.598.847	1.604.064.817	650.800.612	19.551.856.660
Tăng khác	-	80.690.000	-	-	80.690.000
Thanh lý, nhượng bán	(392.161.241)	-	(855.403.237)	(7.385.000)	(1.254.949.478)
Giảm khác	-	-	-	(1.160.000)	(1.160.000)
Tại ngày 31/12/2012	57.050.685.665	25.020.303.224	12.778.169.402	1.779.263.763	96.628.422.054
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	188.328.842.256	22.853.060.678	6.285.176.449	1.842.350.808	219.309.430.191
Tại ngày 31/12/2011	150.879.047.129	24.479.886.982	7.935.544.975	1.314.095.580	184.608.574.666

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 31.263.748.800 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 21.169.926.855 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp. theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	6.988.047.470	3.077.484.898	10.065.532.368
Tại ngày 31/12/2012	6.988.047.470	3.077.484.898	10.065.532.368
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.005.754.014	1.982.622.234	2.988.376.248
Trích khấu hao trong năm	129.720.000	867.401.632	997.121.632
Tại ngày 31/12/2012	1.135.474.014	2.850.023.866	3.985.497.880
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	5.852.573.456	227.461.032	6.080.034.488
Tại ngày 31/12/2011	5.982.293.456	1.094.862.664	7.077.156.120

(*) Trong đó, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ	-	5.146.349.021
Văn phòng tòa nhà MIPEC TOWER 229 Tây Sơn, HN	-	52.682.304.868
Tuyến ống nhập tàu kho gas Đình Vũ	-	4.296.819.889
Công trình kho gas Thọ Quang	19.063.315.615	-
Mua phần mềm kế toán	2.833.000.000	-
Các công trình khác	4.883.547.976	2.628.218.752
	26.779.863.591	64.753.692.530

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Xây lắp	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	6.957.405.470	11.621.000.927	18.578.406.397
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	6.957.405.470	11.621.000.927	18.578.406.397
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.002.574.013	218.648.368	1.221.222.381
Trích khấu hao trong năm	123.360.000	241.266.456	364.626.456
Tại ngày 31/12/2012	1.125.934.013	459.914.824	1.585.848.837
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	5.831.471.457	11.161.086.103	16.992.557.560
Tại ngày 31/12/2011	5.954.831.457	11.402.352.559	17.357.184.016

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất và các giá trị xây lắp, đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ, thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với diện tích Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Hồ Chí Minh	51%	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas
Vốn đầu tư tại các công ty con		31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng		22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng		20.500.000.000	20.500.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn		57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ		11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG		11.487.708.826	11.487.708.826
		121.987.708.826	121.987.708.826

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	5.000.000.000	5.000.000.000
	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết	(387.041.523)	(497.159.682)
	4.612.958.477	4.502.840.318

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	2.610.000.000	5.730.000.000
Đầu tư dài hạn khác	151.126.257	485.250.557
	2.761.126.257	6.215.250.557
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.610.000.000)	(3.458.717.989)
	1.151.126.257	2.756.532.568

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tiền thuê đất	Vỏ bình gas	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	21.587.879.113	71.571.815.975	444.548.649	93.604.243.737
Tăng trong năm	-	42.495.307.260	634.922.500	43.130.229.760
Giá vốn vỏ bình bán cho công ty con		(22.550.460.000)		(22.550.460.000)
Thanh lý trong năm	-	(436.875.825)	-	(436.875.825)
Phân bổ vào chi phí	(612.469.932)	(10.431.142.227)	(979.803.284)	(12.023.415.443)
Tại ngày 31/12/2012	20.975.409.181	80.648.645.183	99.667.865	101.723.722.229

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2 để xây dựng Kho ga Đình Vũ, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	87.664.565.016	100.089.303.377
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	33.386.003.815	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	178.295.523.621	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	63.913.549.062	-
	363.259.641.514	125.089.303.377

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00122/2012/0000075 ngày 02 tháng 02 năm 2012. Khoản vay cho mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa bằng đồng USD theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-NH/PGC ngày 27 tháng 4 năm 2012. Khoản vay cho mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi theo Hợp đồng cấp tín dụng số 120118/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 27 tháng 4 năm 2012. Trong đó, khoản vay gốc USD đang chịu lãi suất 2,8%/năm.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng 230811057747.309.HM ngày 27 tháng 4 năm 2012 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.627.413.921	6.760.951.894
Thuế xuất, nhập khẩu	3.589.320.100	1.413.092.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.740.472.688	11.069.044.257
Thuế thu nhập cá nhân	36.616.897	1.019.457.106
	16.993.823.606	20.262.545.595

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả cổ tức	265.728.000	17.472.798.300
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.827.808.210	715.255.827
Kinh phí công đoàn, đoàn phí, bảo hiểm xã hội	1.557.355.376	1.731.407.669
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (*)	4.400.000.000	4.400.000.000
Phải trả Cục thuế Đà Nẵng (**)	2.242.581.495	-
Phải trả, phải nộp khác	7.353.538.300	5.223.568.625
	18.647.011.381	29.543.030.421

(*) Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG đã ngừng hoạt động kinh doanh và chuyển một phần vốn về Công ty quản lý và được trình bày như một khoản phải trả khác.

(**) Khoản phải trả Cục thuế Đà Nẵng về tiền thuê đất, thuê mặt nước Kho ga Thọ Quang.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Dự phòng quỹ lương	6.876.155.000	-

Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tiền lương theo quy định tại Thông tư số 123/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	29.930.070.650	23.205.600.405
Nhận thêm ký cược, ký quỹ	8.857.938.252	9.631.824.306
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(4.520.348.919)	(2.907.354.061)
Số dư cuối năm	<u>34.267.659.983</u>	<u>29.930.070.650</u>

(*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Biến động vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	264.998.230.000	129.164.270.000	(49.700.000)	99.502.636.970	10.257.000.000	45.606.894.041	549.479.331.011
Tăng vốn bằng cổ phiếu thưởng	79.468.760.000	(52.983.500.000)	-	-	-	-	26.485.260.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	29.611.215.462	29.611.215.462
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	6.136.982.300	2.000.000.000	(15.136.982.300)	(7.000.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(30.469.908.000)	(30.469.908.000)
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	11.213.740	-	(11.069.047.998)	(11.057.834.258)
Tại ngày 31/12/2011	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	105.650.833.010	12.257.000.000	18.542.171.205	557.048.064.215
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	76.994.354.218	76.994.354.218
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	445.207.862	900.000.000	(8.945.207.862)	(7.600.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(20.666.007.600)	(20.666.007.600)
Tại ngày 31/12/2012	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	106.096.040.872	13.157.000.000	65.925.309.961	605.776.410.833

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	52,37%	180.389.840.000	180.389.840.000
Vốn góp của các cổ đông khác	47,63%	164.077.150.000	164.077.150.000
	100,00%	344.466.990.000	344.466.990.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**c. Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 24 tháng 4 năm 2012, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2011 là 6% theo vốn góp, theo đó cổ tức năm 2011 phải trả là 20.666.007.600 đồng. Cổ tức được chi trả toàn bộ bằng tiền mặt, số cổ tức chưa trả của năm 2011 hiện đang được theo dõi trên khoản mục "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác".

d. Số cổ phiếu đang lưu hành

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 34.446.699 cổ phần (năm 2011: 34.446.699 cổ phần); trong đó, Công ty đang nắm giữ 3.353 cổ phiếu quỹ tương đương với 3.353 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.976.892.256.411	2.545.899.366.765
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.785.000.563	11.538.388.052
Doanh thu ký cược, ký quỹ vô bình gas	4.520.348.919	2.907.354.061
	2.995.197.605.893	2.560.345.108.878
Trong đó		
Doanh thu nội bộ (giao dịch với các công ty con)	1.897.009.789.946	1.780.049.233.101
Doanh thu với đối tượng khác	1.098.187.815.947	780.295.875.777
	2.995.197.605.893	2.560.345.108.878

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2.762.882.124.344	2.359.803.402.607
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.199.125.876	10.743.309.487
	2.775.081.250.220	2.370.546.712.094
Trong đó		
Giá vốn nội bộ (giao dịch với các công ty con)	1.897.009.789.946	1.780.049.233.101
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	878.071.460.274	590.497.478.993
	2.775.081.250.220	2.370.546.712.094

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí tiền lương, tiền công	70.403.241.612	50.769.946.835
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	16.660.668.826	13.234.647.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.913.604.748	20.231.135.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.976.044.759	46.437.473.631
Chi phí khác	18.388.978.567	17.381.013.937
	180.342.538.512	148.054.216.770

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.128.023.073	8.350.116.503
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.573.450.238	44.338.626.625
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	927.652.959	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	302.363.297	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.448.475.965	212.349.704
	59.379.965.532	52.901.092.832

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.043.128.959	18.326.085.375
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	26.363.533.236
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn	(712.339.548)	13.561.750.008
Chi phí tài chính khác	1.978.938.578	11.925.898.084
	17.309.727.989	70.177.266.703

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	1.423.719.272	-
Hàng hóa thừa khi kiểm kê	1.886.254.765	6.368.925.110
Thu nhập khác	883.391.696	686.897.447
	4.193.365.733	7.055.822.557

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	1.222.821.009	-
Hàng hóa thiếu khi kiểm kê	-	402.999.781
Phạt vi phạm hợp đồng	206.905.605	9.465.563
Khác	532.975.643	464.329.322
	1.962.702.257	876.794.666

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	84.074.718.180	30.647.034.034
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(52.370.756.305)	(44.338.626.625)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	42.573.450.238	44.338.626.625
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.882.654.606	8.198.631
Trừ: Lỗ được chuyển trong năm	13.679.960.673	-
Thu nhập chịu thuế	31.703.961.875	(13.683.393.960)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.925.990.469	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	363.259.641.514	125.089.303.377
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	91.889.279.426	45.472.547.085
Nợ thuần	271.370.362.088	79.616.756.292
Vốn chủ sở hữu	605.776.410.833	557.048.064.215
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,45	0,14

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	91.889.279.426	45.472.547.085
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	114.305.984.955	90.930.375.392
Phải thu nội bộ ngắn hạn	214.171.511.501	223.290.293.970
Các khoản phải thu khác	15.095.292.901	7.039.621.111
Đầu tư ngắn hạn	233.501.421.200	6.627.917.800
Đầu tư dài hạn khác	1.151.126.257	2.756.532.568
Tổng cộng	<u>670.114.616.240</u>	<u>376.117.287.926</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	363.259.641.514	125.089.303.377
Phải trả người bán	249.567.093.973	160.203.742.739
Chi phí phải trả	6.074.995.370	23.593.912.940
Phải trả khác	12.019.266.300	27.096.366.925
Tổng cộng	<u>630.920.997.157</u>	<u>335.983.325.981</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đô la Mỹ (USD)	32.377.697	10.970.694	347.269.716.572	318.520.616.893
Euro (EUR)	6.419.309	6.798.884	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012 VND	2011 VND
Đô la Mỹ (USD)	(34.723.733.888)	(31.850.964.620)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	91.889.279.426	-	91.889.279.426
Phải thu khách hàng	114.305.984.955	-	114.305.984.955
Phải thu nội bộ ngắn hạn	214.171.511.501	-	214.171.511.501
Các khoản phải thu khác	15.095.292.901	-	15.095.292.901
Đầu tư ngắn hạn	233.501.421.200	-	233.501.421.200
Đầu tư dài hạn khác	-	1.151.126.257	1.151.126.257
Tổng cộng	668.963.489.983	1.151.126.257	670.114.616.240

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	363.259.641.514	-	363.259.641.514
Phải trả người bán	249.567.093.973	-	249.567.093.973
Chi phí phải trả	6.074.995.370	-	6.074.995.370
Phải trả khác	12.019.266.300	-	12.019.266.300
Tổng cộng	630.920.997.157	-	630.920.997.157

Chênh lệch thanh khoản thuần	38.042.492.826	1.151.126.257	39.193.619.083
-------------------------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.472.547.085	-	45.472.547.085
Phải thu khách hàng	90.930.375.392	-	90.930.375.392
Phải thu nội bộ ngắn hạn	223.290.293.970	-	223.290.293.970
Các khoản phải thu khác	7.039.621.111	-	7.039.621.111
Đầu tư ngắn hạn	6.627.917.800	-	6.627.917.800
Đầu tư dài hạn khác	-	2.756.532.568	2.756.532.568
Tổng cộng	373.360.755.358	2.756.532.568	376.117.287.926

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	125.089.303.377	-	125.089.303.377
Phải trả người bán	160.203.742.739	-	160.203.742.739
Chi phí phải trả	23.593.912.940	-	23.593.912.940
Phải trả khác	27.096.366.925	-	27.096.366.925
Tổng cộng	335.983.325.981	-	335.983.325.981

Chênh lệch thanh khoản thuần	37.377.429.377	2.756.532.568	40.133.961.945
-------------------------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 05 tháng 02 năm 2013, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, theo đó Công ty chính thức chuyển đổi theo mô hình Tổng Công ty và đổi tên thành Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP.

Ngày 08 tháng 02 năm 2013, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn:

- Phát hành cổ phiếu ứng cổ tức đợt I/2012: 10%
 - Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: 36%
- Tổng số vốn điều lệ sau phát hành tăng vốn là 502.875.030.000 đồng.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu được trình bày lại theo Thuyết minh số 05 - Điều chỉnh hồi tố.



Phan Quang Thành
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Ngày 18 tháng 3 năm 2013